

Bản án số: 43/2021/HS-ST

Ngày: 21-9-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Nông Phú.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Tuấn Lam.

Bà Lê Kim Tuyền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Êm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn V, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2003, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị T; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam: không; có mặt.

2. Nguyễn Thanh P, sinh ngày 29 tháng 4 năm 2001, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B1 và bà Nguyễn Trần Thị Bích T1; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam: không; có mặt.

**- Người bào chữa cho bị cáo:**

1. Ông Lý Ngọc B2 là Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh số X, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ: X Lê Hồng P, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; Bào chữa cho bị cáo V; có mặt.

2. Bà Lê Thị Ngọc T2 là Luật sư thành viên của Văn phòng Luật sư Ngọc T2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ: Khóm T 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Bào chữa cho bị cáo P; có mặt.

- Bị hại:

1. Trần Văn V, cũng là bị cáo của vụ án.

2. Nguyễn Thanh P, cũng là bị cáo của vụ án.

- *Người tham gia tố tụng khác*: Người làm chứng Lâm Trí K, Lê Văn N, Hà Hoàng V1, Nguyễn Văn B3, Trần Phát T3, Tô Thanh T4, Trần Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim N1, Nguyễn Thị Tuyết L, Nguyễn Thị T5; đều vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 17/02/2021, Trần Văn V và Nguyễn Thanh P hẹn đánh nhau tại dốc cầu X thuộc ấp X, xã T, huyện H. Do trước đó V cho rằng P có lời lẽ xúc phạm bạn gái của V bằng tin nhắn trên Facebook. Sau khi hẹn đánh nhau, P chuẩn bị một con dao tự chế bằng kim loại, màu trắng, có cán màu đen, dài khoảng 80cm rồi đút vào trong một ống nhựa Bình Minh để bên cạnh đường, rồi đi lại dốc cầu X ngồi đợi V. V cũng chuẩn bị một con dao tự chế màu đen, dài khoảng 80cm, rồi đi xe mô tô đến nhờ Lâm Trí K điều khiển lại điểm hẹn. Khi đến dốc cầu X, V thấy P ngồi trên xe mô tô, V kêu K dừng xe lại. V nhảy xuống xe cầm dao rượt P chém một cái trúng vào phía trên cạnh lỗ tai bên trái. P bỏ chạy và lấy được khúc cây gần đó đánh lại trúng vào người V, làm V mất thăng bằng. P chạy lại lấy con dao đã chuẩn bị trước đó và lấy thêm một khúc gỗ khác, thì V chạy đến. P và V chém nhau qua lại gây thương tích cho nhau rồi được mọi người can ngăn. Sau đó, được đưa đi điều trị thương tích.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 133/TgT ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Tháp kết luận đối với Trần Văn V: Sẹo vết thương phần mềm sống mũi kích thước nhỏ. Sẹo vết thương phần mềm má trái - vành tai trái kích thước trung bình. Sẹo vết thương phần mềm hông trái kích thước nhỏ. Sẹo vết thương phần mềm vùng lưng trái kích thước nhỏ. Vết biến đổi sắc tố da vùng cổ trái. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 12%.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 140/TgT ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Tháp kết luận đối với Nguyễn Thanh P: Sẹo vết thương phần mềm thái dương trái đến cằm trái kích thước lớn. Sẹo vết thương phần mềm má phải, kích thước nhỏ. Sẹo vết thương phần mềm cánh tay trái, kích thước trung bình. Sẹo vết thương phần mềm mu bàn tay trái, kích thước nhỏ. Sẹo vết thương phần mềm ngón II bàn tay trái, kích thước nhỏ. Vết thương thái dương trái gây vỡ xương chũm trái làm ảnh hưởng đến sức nghe tai

trái mức độ nhẹ. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 12%.

Vật chứng thu giữ:

- 01 dao tự chế bằng kim loại màu trắng dài 80cm, lưỡi dao rộng 03cm, cán dao dài 23cm có quấn băng keo màu đen, lưỡi dao bị cong, mũi nhọn, trọng lượng 600 gam (của P); 01 đoạn ống nhựa màu xanh dài 85cm, đường kính 06cm, một đầu ống nhựa có quấn băng keo màu vàng; xe mô tô biển số 66G1-XXX.83, nhãn hiệu HONDA, màu đỏ-đen, đã qua sử dụng; Giấy đăng ký xe số 049980. Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô và giấy đăng ký xe cho bị cáo V.

- Đối với dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 80cm, mũi nhọn, màu đen của V sau khi gây thương tích cho P mang về dọc đường đã ném bỏ. Cơ quan điều tra truy tìm nhưng không tìm được.

- Đối với hai khúc cây P cầm đánh V, quá trình điều tra P không nhận dạng được nên Cơ quan điều tra không thu vật chứng được.

Về trách nhiệm dân sự: Tại biên bản v/v thỏa thuận trách nhiệm dân sự ngày 04/4/2021, bị cáo V tự nguyện thỏa thuận bồi thường một phần chi phí điều trị cho bị hại P số tiền là 7.000.000 đồng, đã nhận tiền xong. Còn bị hại V không yêu cầu bị cáo P bồi thường chi phí điều trị. Tại phiên tòa, các bị cáo xác định, do chi phí điều trị thương tích của P là khoảng 15 triệu đồng, của V hơn 1 triệu đồng, nên trừ cân qua, thống nhất V chỉ bồi thường cho P 7 triệu đồng, coi như hai bên đã bồi thường thiệt hại cho nhau xong.

Tại Cáo trạng truy tố số 37/CT-VKSHN ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS), tuyên bố các bị cáo phạm “Tội cố ý gây thương tích”, xử phạt bị cáo Trần Văn V từ 12 đến 15 tháng tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh P từ 15 đến 18 tháng tù. Vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao và đoạn ống nhựa màu xanh. Về dân sự: Đã giải quyết xong nên không đề cập đến.

Tại phiên tòa, 2 bị cáo đã xin lỗi nhau và thống nhất bỏ lỗi cho nhau. Phần tự bào chữa, tranh luận, nói lời sau cùng: Bị cáo V trình bày, do tuổi trẻ bồng bột, thiếu suy nghĩ, đã thấy lỗi sai, xin được giảm hình phạt. Bị cáo P trình bày, đã thấy lỗi sai, lúc nóng giận không tự chủ được bản thân, xin giảm hình phạt.

Ông Lý Ngọc B2 bào chữa cho bị cáo V: Về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ thống nhất như Kiểm sát viên. Bị cáo V tuổi trẻ bồng bột, sau khi phạm tội đã biết sai lầm của mình, đề nghị cân nhắc áp dụng thêm các Điều 65, 91 của BLHS cho bị cáo V được hưởng án treo để có cơ hội sửa chữa sai lầm của mình.

Bà Lê Thị Ngọc T2 bào chữa cho bị cáo P: Thống nhất về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ như Viện kiểm sát truy tố, Kiểm sát viên đã nêu. Đề nghị xem xét, áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của BLHS,

do bị cáo P đã trừ cần đi số tiền điều trị của bị hại V rồi. Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị cho bị cáo P được hưởng án treo, bị cáo cũng còn bông bột.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đã chứng minh được:

[3] Các bị cáo đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Các bị cáo tuổi đời còn trẻ, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ phát sinh trên mạng xã hội, thích hành xử bạo lực, chuẩn bị hung khí, hện nhau giải quyết mâu thuẫn và đã có hành vi gây thương tích cho nhau với cùng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12% với hung khí nguy hiểm là dao và cây. Do vậy, đã đủ căn cứ kết luận các bị cáo V và P phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của BLHS, quy định:

*“Điều 134 Tội cố ý gây thương tích*

*1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*a) Dùng ... hung khí nguy hiểm...*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm;*

*... đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến k khoản 1 Điều này...”*

[5] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo V và P là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Các bị cáo có lỗi cố ý trực tiếp và đã thực hiện tội phạm hoàn thành.

[7] Sức khỏe, tính mạng là vốn quý báu của con người, vì nó trực tiếp làm ra của cải vật chất cho gia đình và xã hội, mọi hành vi xâm hại đến sức khỏe, tính mạng đều phải bị pháp luật xử phạt một cách thích đáng, có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Các bị cáo nhận thức được hành vi cố ý gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, trực tiếp xâm phạm, gây tổn thương cơ thể của người khác được pháp luật bảo vệ. Cụ thể, các bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của nhau, trong khi sự việc không có gì mâu thuẫn lớn, nhưng vì bản tính hung hăng, thích hành xử với người khác bằng bạo lực nên dẫn đến vi phạm pháp luật. Trong đó, bị cáo V là người thực hiện hành vi trước, có thái độ thực hiện tội phạm tích cực hơn bị cáo P.

[8] Hành vi của các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật, nên phải xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Xét tính chất, mức độ, ý thức và hậu quả của tội phạm, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có điều kiện răn đe, giáo dục giúp các bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội và phòng ngừa chung cho những ai có tư tưởng thích dùng bạo lực tương tự.

[9] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[10] Về nhân thân, tiền án, tiền sự: Chưa có.

[11] Cả 02 bị cáo có chung các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Ngày 04 tháng 4 năm 2021, đã tự nguyện thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại cho nhau, trong đó, V bồi thường 1 phần tiền điều trị cho P, còn V không có yêu cầu P bồi thường lại chi phí điều trị; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

[12] Trong phần đối đáp, Kiểm sát viên cho rằng, do cơ quan điều tra không ghi nhận việc P bồi thường thiệt hại cho V nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của BLHS là chưa phản ánh đúng diễn biến tại phiên tòa, bản chất việc thỏa thuận của các đương sự. Trên thực tế, V chỉ bồi thường một phần chi phí điều trị cho P, thỏa thuận cản trở qua, nên P không phải bồi thường lại cho V, coi như P đã bồi thường cho V xong như đã nêu ở phần trên. Do vậy, chấp nhận ý kiến đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 của BLHS của người bào chữa cho bị cáo P.

[13] Tại phiên tòa các bị cáo đã xin lỗi nhau và cùng chấp nhận, nhân thân chưa từng có tiền sự, tiền án; Riêng bị cáo P có bà nội là người có công cách mạng nên Hội đồng xét xử xem xét là tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS. Căn cứ vào các tình tiết vừa nêu và Điều 54 của BLHS để giảm nhẹ cho các bị cáo, áp dụng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt khi quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[14] Trong ý kiến tranh luận: Cả 2 người bào chữa đều đề nghị áp dụng Điều 65 của BLHS cho 2 bị cáo được hưởng án treo. Kiểm sát viên đề nghị không

cho hưởng án treo, vì khung hình phạt cao nhất của 02 bị cáo là trên 03 năm tù theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (gọi tắt là Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP). Xét, ý kiến của Kiểm sát viên chưa phù hợp với hướng dẫn tại Điều 1 và khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP, về một trong các điều kiện để được hưởng án treo là “*Bị xử phạt tù không quá 03 năm*”, không hướng dẫn khung hình phạt tù không quá 03 năm. Như vậy, cho dù khung hình phạt tù quy định trong điều luật trên 03 năm, nhưng khi quyết định hình phạt không quá 03 năm tù thì người bị xử phạt tù có thể được xem xét cho hưởng án treo nếu thỏa mãn đầy đủ các điều kiện khác hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP. Hội đồng xét xử xét thấy, với tính chất, mức độ, hành vi mà các bị cáo đã thực hiện tội phạm, nếu cho hưởng án treo sẽ không đủ sức răn đe, giáo dục, không đảm bảo mục đích đấu tranh phòng chống tội phạm, nếu cho hưởng án treo sẽ ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cho các bị cáo hưởng án treo. Do đó, không chấp nhận đề nghị cho hưởng án treo của 2 người bào chữa.

[15] Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo V đã trên 16 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng khoản 1 Điều 101 BLHS.

[16] Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[17] Về xử lý vật chứng: Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên chấp nhận.

[18] Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.  
Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 134, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn V phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn V 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 134, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh P phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh P 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao tự chế bằng kim loại màu trắng dài 80cm, lưỡi dao rộng 03cm, cán dao dài 23cm có quấn băng keo

màu đen, lưỡi dao bị cong, mũi nhọn, trọng lượng 600 gam; 01 (một) đoạn ống nhựa màu xanh dài 85cm, đường kính 06cm, một đầu ống nhựa có quấn băng keo màu vàng. Vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06 tháng 7 năm 2021.

4. Về án phí, căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Trần Văn V và Nguyễn Thanh P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21 tháng 9 năm 2021).

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Nông Phú**